

hành án xong, còn anh N vẫn đang chấp hành án tại Đội 17, phân trại M, Trại giam XL. Chị thấy rằng đã không còn tình cảm với anh N từ khi còn đang chấp hành án nên sau khi ra tù chị có vào thăm anh N và đề nghị ly hôn thì anh N đã đồng ý ký vào đơn. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Đào Thanh T, sinh ngày 05/5/2005 và Đào Thanh T1, sinh ngày 22/02/2009; trong thời gian chị và anh N đi tù thì 02 cháu ở với ông bà nội, nhưng sau khi chị ra tù đã đón 02 cháu về ở cùng với chị. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: cho được ly hôn anh N; về con chung: yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Theo biên bản lấy lời khai ngày 06/11/2018 và đơn xin xem xét ngày 08/11/2018, bị đơn anh Đào Thanh N trình bày: Sau 08 năm vợ chồng chung sống hạnh phúc thì anh đi tù, trong thời gian đó chị H có quan hệ với người khác; đến năm 2013 chị H bị bắt về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Nay giữa anh và chị H không còn tình cảm gì nữa và chị H làm đơn ly hôn thì anh đồng ý; mong Tòa án cho ly hôn và giải quyết vắng mặt anh. Về con chung anh yêu cầu được nuôi 02 con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng, vì từ trước tới nay các cháu vẫn sống cùng ông bà nội. Về tài sản chung và nợ chung: anh thống nhất với ý kiến của chị H là không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về quan hệ pháp luật, việc thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) thực hiện đúng theo quy định pháp luật; quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo. Về áp dụng pháp luật: đề nghị áp dụng Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình (sau đây viết tắt là Luật HN&GD) và Luật HN&GD năm 2000 để giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị H ly hôn anh N; giao 02 cháu T và T1 cho chị H nuôi dưỡng và không buộc anh N phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung: không có ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét; chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau::

[1] Về tố tụng: chị Lê Thị Thanh H có đơn yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Đào Thanh N nên quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Chị Lê Thị Thanh H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Đào Thanh N nên chị H là nguyên đơn, anh N là bị đơn.

Bị đơn (anh Đào Thanh N) vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: chị H và anh N tự nguyện kết hôn năm 2008, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã XD nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H nhận thấy: cả chị H và anh N đều cho rằng vợ chồng không còn tình cảm với nhau, sống ly thân đã lâu do cả hai đều phải chấp hành án hình phạt tù và đều có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị H và anh N thật sự mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho chị H và anh N được ly hôn.

[3] Về con chung: chị H và anh N có hai con chung là Đào Thanh T, và Đào Thanh T1; cả 02 đều có yêu cầu được quyền nuôi hai con, không yêu cầu người còn lại cấp dưỡng; tuy nhiên hiện tại anh Đào Thanh N đang phải chấp hành hình phạt tù nên không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con, đồng thời cả hai cháu T và T1 đều có nguyện vọng sau khi cha mẹ ly hôn sẽ ở với mẹ. Vì vậy, giao hai cháu Đào Thanh T và Đào Thanh T1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp; do chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời không buộc anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo anh chị không có và không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và đường lối giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận. Riêng đề nghị áp dụng pháp luật về hôn nhân gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án là không phù hợp nên không chấp nhận, bởi lẽ: tuy thời điểm hôn nhân xác lập là từ năm 2008 nhưng thời điểm chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về quyền nuôi con là vào năm 2018, thời điểm mà Luật HN&GD năm 2014 có hiệu lực; trong vụ án này không có ai yêu cầu giải quyết về vấn đề tài sản chung nên không cần thiết áp dụng các luật hôn nhân và gia đình trước đó để xác định quyền sở hữu về tài sản; trong khi các căn cứ để xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện về quan hệ hôn nhân, về quyền nuôi con phải được áp dụng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 của BLTTDS; Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GD; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Lê Thị Thanh H và anh Đào Thanh N được ly hôn.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Đào Thanh T, sinh ngày 05/5/2005 và Đào Thanh T1, sinh ngày 22/02/2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời không buộc anh Đào Thanh N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo đảm cho đến khi trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

3. Về nợ chung, tài sản chung: không xem xét

4. Về án phí: chị Lê Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị H đã nộp tại biên lai thu tiền số 004530 ngày 17/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM; chị H đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; riêng bị đơn vắng mặt thời hạn 15 ngày kháng cáo được tính từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật tố tụng./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã XD;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

Hà Thế Nam